

NHÌN LẠI TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG Á THỜI KỲ 1993-2003

Ngô Xuân Bình*

Trong những thập kỷ qua, các nước Đông Á đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế đáng kể, đồng thời gia tăng sự lệ thuộc một cách thiết thực bằng việc xúc tiến đầu tư trực tiếp với nước ngoài và tự do hóa thương mại trong khu vực Đông Á. Khu vực này đã trở thành một phần quan trọng của nền kinh tế toàn cầu bên cạnh NAFTA và EU. ASEAN+3, một thực thể kinh tế được tổ chức gồm 10 nước thành viên ASEAN cộng với Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc, chiếm tới 19,7% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của thế giới và chiếm 20,8% thương mại toàn cầu trong năm 2003. Trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao của các nước Đông Á chủ yếu dựa trên sự công nghiệp hoá liên tục và sự bùng nổ trong khu vực. Chuỗi công nghiệp hoá này thường được gọi là mô hình đàn ngỗng bay. Khi các quốc gia Đông Á nhận thức được sự phát triển công nghiệp liên tục trên cơ sở công nghiệp hoá nhanh và sự phát triển của các mối quan hệ phụ thuộc nhau được chuyên môn hoá, thì thương mại và đầu tư trong khu vực được mở rộng. Kết quả là nền kinh tế Đông Á phát triển liên tục.

Tiến trình hội nhập kinh tế Đông Á thời kỳ này sẽ được nhận diện thông qua việc xem xét (1) chủ nghĩa khu vực Đông Á và (2) hội nhập thông qua mô hình FTA.

Từ khóa: Đông Á, hội nhập kinh tế, FTA, chủ nghĩa khu vực

1. Chủ nghĩa khu vực Đông Á¹

Mặc dù Đông Á chịu ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính trong năm 1997 - 1998, khu vực này bắt đầu phục

hồi từ năm 1999 nhờ các biện pháp cải tổ kinh tế mang tính quyết định và tái cơ cấu ngành công nghiệp. Nhiều chuyên gia cho rằng, chính nhờ cuộc khủng hoảng trên đã tạo cơ hội để xây dựng một nền kinh tế khu vực vững chắc thông qua một loạt chính sách cải tổ. (Xem bảng 1).

* PGS.TS., Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á.

¹ Nhìn chung có nhiều định nghĩa địa lý khác nhau về khu vực Đông Á, trong đó bao gồm Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Trong tài liệu này, chúng tôi tập trung đề cập đến ASEAN+3.

Tỷ lệ xuất khẩu nội khối ASEAN+3 là 25,6% vào năm 1985 và 26,2% vào năm 1990 nhưng đã tăng tới 34,2% vào năm 1995. Đây là kết quả của tiến trình hội nhập kinh tế ASEAN và tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh của Trung Quốc và ASEAN trong những năm đầu thập kỷ 1990. Tỷ lệ xuất khẩu của ASEAN+3 với Mỹ đã giảm từ 30,8% vào năm 1985 xuống còn 22,2% vào năm 1995 và 24% vào năm 2001. Mặc dù tỷ lệ xuất khẩu nội khối đã giảm xuống kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính nhưng các nhà quan sát cho rằng tỷ lệ này sẽ mở rộng cùng với sự hồi phục kinh tế trong khu vực.

Mặc dù sự liên thuộc giữa các quốc gia Đông Á đã mở rộng nhưng vẫn chưa có một nỗ lực nghiêm túc nào nhằm khởi động sự hợp tác kinh tế Đông Á về mặt hội nhập kinh tế chính thống tương tự như EU hoặc NAFTA. Tuy nhiên, ASEAN đã thúc đẩy hội nhập kinh tế từ đầu những năm 1990 và hầu như khu vực Đông Nam Á hiện nay đã là một khu vực tự do thương mại. Việt Nam, Myanmar, Lào và Campuchia gia nhập khối này vào cuối những năm 1990 để trở thành ASEAN 10 và Nhóm kinh tế Đông Á (EAEC) do cựu Thủ tướng Malaysia đề xuất đã được nhất trí tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN (AMM) vào tháng 7/1993. Tuy nhiên, các kế hoạch thành lập đã bị trì hoãn do các phải ứng tiêu cực từ Mỹ, Nhật Bản và Australia³.

³ Vào thời điểm đó, nước Mỹ thông qua Ngoại trưởng Jame Baker, cố gắng thuyết phục Bộ trưởng Thương mại Hàn Quốc và Nhật Bản không tham dự EAEC vào tháng 11/1991. Tháng 1/1992, Tổng thống Mỹ George Bush trong chuyến thăm Nhật Bản và Singapore đã

Tuy nhiên, ASEAN và Trung Quốc lại cho rằng thực thể kinh tế Đông Á cần độc lập so với trật tự kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các cuộc cải cách ở Việt Nam và Trung Quốc đã mang lại sự ổn định hơn đối với nền kinh tế Đông Á, trong khi ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy thành lập cộng đồng khu vực duy nhất ở Đông Á thông qua hợp tác chính trị và kinh tế. ASEAN thành lập AFTA, tăng cường hội nhập kinh tế trong khu vực nhằm mở rộng thương mại và đầu tư. ASEAN cũng thành lập Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) vào năm 1994 để tăng cường sức mạnh đàm phán với các nước ngoài khu vực.

Tham gia ASEM là một nỗ lực khác của ASEAN nhằm đáp ứng nhu cầu hợp tác đã được tăng cường giữa các nước Đông Á để phản ứng lại sự hội nhập của Châu Âu thông qua EU. Sau lời đề nghị của Thủ tướng Singapore hồi đó là Goh Chok Tong, ASEM đã được tổ chức phiên họp đầu tiên tại Bangkok vào năm 1996 với sự tham gia của ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc và 15 nước châu Âu.

Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS) trở thành hiện thực khi Tổng thống Malaysia Mahathir mời Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tham dự Hội nghị thượng đỉnh không chính thức nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập ASEAN. Kể từ đó, ASEAN đã tổ chức một cuộc hội thảo ở

cảnh báo rằng EAEC có thể bị xem là một rào cản thương mại. Chính phủ của Tổng thống Clinton cũng bày tỏ sự phân đối với EAEC, tuyên bố rằng EAEC có thể là một cản trở đối với tiến trình APEC.

cấp thượng đỉnh hàng năm và tập trung vào việc tăng cường đối thoại EAS trên cơ sở cơ chế gồm ASEAN cùng với các đối tác chính thức là Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản. Sự tham gia của các nước Đông Á vào ASEM đã giúp các nước đồng nhất trong ASEAN có thể đưa vào trong khuôn khổ EAS như một diễn đàn liên chính phủ giữa các quốc gia Đông Á⁴.

Trong khuôn khổ EAS, các nước Đông Á đã bắt đầu thảo luận các cách thức thúc đẩy hợp tác kinh tế, trong đó bao gồm một FTA Đông Á. Sự nổi lên của một khu vực đang tự khẳng định mình được thể hiện rõ ràng trong các cuộc thảo luận về các hệ thống hợp tác khu vực tiềm năng tại Hội nghị thượng đỉnh tổ chức tại Hà Nội sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 1998.

Hơn nữa, cuộc khủng hoảng tài chính đã đặt ra nhu cầu bức thiết phải có sự điều phối về chính sách, các hội nghị cấp cao của EAS đã góp phần củng cố nhận thức rằng khu vực Đông Á quan trọng hơn khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ở phương diện kinh tế, việc loại bỏ yếu tố tỷ giá hối đoái không ổn định bằng cách hài hoà chính sách sách kinh tế vĩ mô của mỗi nước và điều phối các dòng vốn ngắn hạn dễ dễ phòng khủng hoảng xuất hiện trở lại được coi là vấn đề quan trọng đối với toàn bộ khu vực. ASEAN đã đóng vai trò tối quan trọng trong việc thúc đẩy tình đoàn kết khu vực và mở rộng sang đối thoại trong khuôn khổ EAS với sự tham gia của Trung Quốc,

Nhật Bản, Hàn Quốc và sau đó là Nga, Ấn Độ, New Zealand và các nước phát triển.

2. Hội nhập thông qua mô hình FTA

Đến thời điểm ASEAN đã có nhiều nỗ lực nhằm tăng cường sự hội nhập, đồng thời mở rộng và làm sâu sắc thêm sự liên thuộc về kinh tế với bên ngoài, trong đó có khu vực Đông Bắc Á. ASEAN đã thúc đẩy sự hội nhập kinh tế kể từ đầu những năm 1990. ASEAN 10 được thành lập bằng việc mở rộng quy chế thành viên với Việt Nam, Myanmar, Lào và Campuchia (dưới đây gọi là CLMV), hình thành một thị trường thống nhất với 542 triệu dân và GDP ở mức 686 tỷ USD.

ASEAN đã nhiệt tình thúc đẩy sự hội nhập thị trường Đông Nam Á thông qua cơ chế được gọi là chính sách AFTA+, trong đó bao gồm hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS), khu vực đầu tư ASEAN (AIA), các tiêu chuẩn và đánh giá phù hợp, sự hội nhập và hài hoà các giá trị hải quan.

Các yếu tố cốt lõi trong sự hợp tác của ASEAN như sau: *Một là*, Thỏa thuận thuế ưu đãi hiệu lực chung (CEPT) đòi hỏi giảm các mức thuế đánh vào các sản phẩm buôn bán, trao đổi trong khu vực xuống còn 5%; *hai là*, Hiệp định hợp tác công nghiệp ASEAN (AICO) đã được đề ra như một sáng kiến thuế thấp hạn chế đối với sự hợp tác công nghiệp; và *ba là*, AIA được coi là một biện pháp đầu tư tự do. Ngoài việc loại bỏ các hàng rào phi thuế quan và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thực thi Hiệp định khung ASEAN về các thoả thuận công nhận lẫn nhau (MRAs). Hệ thống ưu đãi và

⁴ Nghĩa là Hồng Kông và Đài Loan không được mời tham dự Hội nghị thượng đỉnh ASEAN 1997 (xem Suzuki 2004, tr. 6).

hợp tác chính sách hội nhập ASEAN cũng được thúc đẩy.

Các tiến trình này là những nỗ lực tiến tới việc hội nhập vào một thị trường thống nhất ở Đông Nam Á để đối trọng với sự mở rộng của nền kinh tế Trung Quốc. Thêm vào đó, các nỗ lực này còn nhằm mục đích thu hút FDI và nhằm tăng hiệu quả kinh tế và phát triển công nghiệp về lâu dài.

Nhằm củng cố vị thế của ASEAN thông qua việc nhận thức sớm AFTA là một dạng hợp tác kinh tế và chính trị. Do đó, ASEAN đã và đang tiến hành những bước đi mạnh mẽ tiến tới hội nhập thị trường ở khu vực Đông Nam Á thông qua AFTA. ASEAN đặc biệt tích cực trong việc hình thành AFTA trong giai đoạn 2002-2003 tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN tổ chức vào tháng 12/1998. Hội nghị này cũng thông qua Chương trình hành động Hà Nội (HAP) nhằm tăng cường sự hợp tác trong khu vực⁵. Hơn nữa, tại hội nghị không chính thức lần thứ ba của ASEAN tổ chức tại Philipin tháng 11/1999 đã nhất trí gỡ bỏ hàng rào thuế quan trong khu vực vào năm 2010 đối với các thành viên ban đầu của ASEAN và vào năm 2012 đối với các nước CLMV.

Kết quả của sự triển khai thành công kế hoạch CEPT, trao đổi thương mại nội khối

⁵ Xem Kwon (2002), ASEAN đã tiến hành một loạt bước đi theo hướng sớm nhận thức được vai trò của AFTA sau cuộc khủng hoảng tài chính: tại Hội nghị thượng đỉnh tổ chức tại Hà Nội, các nước thành viên đã thông qua kế hoạch hành động Hà Nội như chương trình cụ thể cho Tầm nhìn ASEAN 2020, được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh không chính thức lần thứ hai tổ chức tại Kuala Lumpur năm 1997.

ASEAN đã tăng từ 44,2 tỷ USD vào năm 1993 lên 95,2 tỷ USD vào năm 2000. Trước khi nổ ra cuộc khủng hoảng tài chính vào giữa năm 1997, xuất khẩu trong khối ASEAN tăng 29,6%, cao hơn nhiều so với mức tăng xuất khẩu 18,8% của toàn khối ASEAN trong thời gian này⁶. Giá trị trao đổi thương mại nội khối ASEAN so với tổng giá trị trao đổi thương mại toàn khối trong giai đoạn 2001 - 2002 cũng tích cực khi tăng từ 22,12% vào năm 2001 lên 22,56% vào năm 2002.

ASEAN tích cực theo đuổi các nỗ lực hội nhập kinh tế, bao gồm tự do hoá thương mại hàng hoá, dịch vụ, đầu tư và các biện pháp khác như một sự cam kết và cần thiết trong bối cảnh xuất hiện các thách thức toàn cầu mới. Do vậy, Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 9 được tổ chức tại Bali tháng 10/2003 đã thông qua Hiệp định Bali II. Văn kiện này vạch ra khuôn khổ để đạt được một cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), và đây có thể là mục tiêu cuối cùng của sự hội nhập kinh tế khi vạch ra Tầm nhìn ASEAN 2020. AEC sẽ được đặc trưng hoá bởi một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất với việc lưu chuyển tự do hàng hoá, dịch vụ, đầu tư và lao động có tay nghề cũng như lưu chuyển tự do dòng vốn. Theo Tầm nhìn ASEAN 2020 được đưa ra vào năm 1997, các nước thành viên sẽ theo đuổi việc hội nhập kinh tế và thành lập một nhóm công tác cấp cao về AEC nhằm xem xét các hoạt động triển khai trong tương lai.

⁶ Xem báo cáo của Ban thư ký ASEAN (2005), tr.5.

Kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, xu hướng tiến tới chủ nghĩa khu vực đã tăng lên ở Đông Á như đã thấy qua việc một số FTA đã được thảo luận giữa ASEAN và các nước khác. Các nền kinh tế Đông Á đã bắt đầu quan tâm đến các FTA, mà điều này dường như không liên quan đến việc truyền bá chủ nghĩa khu vực trên toàn thế giới⁷. Tuy nhiên, kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính, các nước ngày càng nhận thức được tầm quan trọng của sự liên thuộc trong khu vực và nỗ lực tập trung vào các bình diện chiến lược của hội nhập kinh tế trong khu vực. Tương tự như vậy, có nhận thức cho rằng khó có thể đạt được kết quả như mong muốn từ việc tự do hoá thương mại đa phương thông qua hệ thống Tổ chức thương mại thế giới (WTO) do có quá nhiều nước tham gia. Trái lại, FTA có thể khiến các nước trong khu vực có khả năng tự do hoá thương mại mở rộng hơn do đàm phán tương đối dễ dàng. Vì lý do này, các FTA đã nổi lên thành một vấn đề chính trị đối với việc thúc đẩy xuất khẩu ở các nước Đông Á.

ASEAN đã biến đổi thành một thực thể khu vực duy nhất cùng với sự mở rộng của chủ nghĩa khu vực diễn ra ở Đông Á sau cuộc khủng hoảng tài chính. Khi các nước Đông Á nghiêm túc nhận thức được sự cần thiết đối với chủ nghĩa khu vực, các FTA đã trở thành vấn đề chính. Đặc biệt, thông qua các cuộc gặp gỡ đều đặn tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN+3, các nước Đông Á

đã đẩy mạnh các FTA và các quốc gia Đông Nam Á đã thúc đẩy các cuộc đàm phán FTA với các nước ngoài khu vực Đông Á, bao gồm Australia, Ấn Độ và Mỹ⁸.

Trước khi xảy ra khủng hoảng, hầu hết các nước thành viên ASEAN đều giữ lập trường tiêu cực trong việc thúc đẩy các FTA song phương với các khu vực khác do lo ngại rằng sự đoàn kết bên trong của AFTA sẽ bị suy yếu. Mặc dù ASEAN đang thúc đẩy thực hiện mục tiêu chiến lược hướng tới mở rộng hợp tác kinh tế trong khu vực, song mỗi thành viên đều có cách tiếp cận riêng đối với sự hợp tác này. Thời kỳ này, người ta nhìn thấy có một sự bất đồng giữa các nước thành viên ASEAN khi phải đối mặt với những khó khăn về kinh tế đối với sự tự do hoá thương mại trong khối, dẫn đến nghi ngờ về khả năng tự do hoá thương mại hơn nữa⁹. Đặc biệt, Malaysia và một số nước Đông Nam Á đã chỉ trích các thành viên ASEAN thành lập các FTA song phương, cho rằng các thoả thuận như vậy sẽ làm suy yếu các hiệp định hợp tác khu vực như AFTA và cho phép các nền kinh tế bên ngoài thâm nhập thị trường khu vực. Tuy nhiên, Singapore và Thái Lan đã phê chuẩn chiến lược xây dựng các FTA song phương.

Riêng Singapore đã ký FTA song phương với New Zealand, Nhật Bản, Australia và Mỹ. Nước này cũng đàm phán để tiến tới ký kết FTA với Mexico, Canada, Hàn Quốc và Ấn Độ. Thái Lan xem xét ký FTA với Australia, Mỹ, Nhật Bản và Ấn

⁷ Có 143 FTA được báo cáo lên WTO vào cuối tháng 6-2000. Trong số đó có 76 FTA đã được ký kết từ khi WTO được thành lập vào năm 1995 và 3 FTA ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

⁸ Xem Bergsten (2000) và Eichengreen (2002).

⁹ Xem Cheong (2002).

Độ trong khi Philipin cũng đang xem xét ký kết FTA với Mỹ và đàm phán FTA với Nhật Bản. Tháng 2/2003, Singapore công bố chiến lược phát triển quốc gia mới nhằm tăng cường hình ảnh của nước này như một thành phố toàn cầu hàng đầu¹⁰

Thái Lan được kỳ vọng sẽ chấp nhận lập trường bảo hộ nền công nghiệp trong nước như chính phủ nước này từng nói và tiếp tục thúc đẩy các FTA với các nền kinh tế lớn như Mỹ và Nhật Bản. Chính phủ Thái Lan đã chọn Mỹ, Australia, Bahrain, Peru, Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc làm đối tác FTA tiềm năng.

Sau đó, các cuộc đàm phán FTA liên quan đến Ấn Độ, Thái Lan và Singapore giữa Ấn Độ và ASEAN đã góp phần thúc đẩy phát triển chủ nghĩa khu vực Đông Á. Đây là xu hướng mới góp phần đẩy mạnh quan hệ kinh tế giữa Ấn Độ và Đông Nam Á. Năm 2001, Trung Quốc và Nhật Bản đã đàm phán các FTA riêng rẽ với ASEAN, đồng thời đẩy nhanh các cuộc thảo luận FTA với cả khối ASEAN¹¹. Ấn Độ tuyên bố sẽ thúc đẩy FTA tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - Ấn Độ tổ chức tại Phnom Penh vào tháng 11/2002.

¹⁰ Singapore thành lập ERC, một nhóm thuộc chính phủ nằm dưới sự chỉ đạo của Goh Chok Tong, nhằm tìm kiếm một kế hoạch tương lai và vạch ra chương trình, ERC đã đưa ra một chiến lược quốc gia mang tên "Các thách thức mới, các mục tiêu mới - theo hướng một thành phố toàn cầu năng động", là một kế hoạch tầm nhìn quốc gia lâu dài và kinh tế của Singapore đến năm 2018, bao gồm một chiến lược FTA.

¹¹ Năm 2001, kim ngạch thương mại của Ấn Độ với ASEAN là 9,7 tỷ USD trong khi của Trung Quốc là 41,6 tỷ USD. Lợi nhuận thương mại của Trung Quốc tăng hàng năm.

Một hiệp định hợp tác trọn gói đã được đưa vào chương trình nghị sự của Hội nghị ASEAN - Ấn Độ tổ chức tại Bali vào tháng 10/2003. Đây là bước đầu tiên tiến tới việc củng cố hợp tác khung cho một thỏa thuận thương mại khu vực. Ngoài ra, động thái này cũng góp phần hình thành một khuôn khổ hợp tác kinh tế ở khu vực Đông Nam Á. Mặc dù giới hạn thời gian cho việc hoàn tất các cuộc đàm phán FTA đã bị trì hoãn trong 10 năm, nếu Ấn Độ cố gắng ký FTA riêng rẽ với Thái Lan và Singapore, các hiệu ứng chính trị và kinh tế sẽ có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hội nhập khu vực Đông Á.

Bất chấp những nỗ lực theo hướng sớm nhận thức được sự hội nhập thị trường trong khu vực và tiềm năng của thị trường Đông Nam Á, AFTA về cơ bản vẫn nhỏ so với NAFTA hoặc EU và nó có những hạn chế về kết cấu liên quan đến hợp tác Nam - Nam. AFTA về cơ bản cho thấy một sự hội nhập theo chiều ngang giữa các nước đang phát triển và không thể khẳng định sự đoàn kết kinh tế mạnh mẽ do không có một quốc gia đứng đầu, cũng như thiếu sự đồng thuận và ổn định chính trị.

Để giải quyết những yếu kém về kết cấu, ASEAN đã cố gắng mở rộng sự hợp tác với các quốc gia Đông Bắc Á, đề xuất nhiều thỏa thuận hợp tác vượt ra ngoài khu vực Đông Nam Á. Điều này dẫn tới thiết lập diễn đàn ASEM, từ đó ASEAN+3 có thể phát triển các mối liên kết với châu Âu. Phía các nước Đông Á tiến trình này được củng cố bởi sự phát triển đối thoại ASEAN+3, một quá trình liên kết Đông

Nam Á với Đông Bắc Á¹². Tuy nhiên, thời kỳ này ASEAN dường như dừng dừng với khái niệm FTA Đông Á và sự hội nhập cơ chế như là công cụ hội nhập kinh tế với Đông Bắc Á. Như đã nói ở trên, ASEAN dự định mở rộng vai trò như một trung tâm FTA ở Đông Á theo tiến trình ASEAN+1.

ASEAN nắm giữ vai trò là trung tâm FTA ở Đông Á và cuộc thảo luận đầy đủ cho một FTA Đông Á được bắt đầu khi Hàn Quốc, tiếp đến là Trung Quốc và Nhật Bản đề nghị xem xét khả năng thành lập FTA với ASEAN tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN Hàn Quốc tại Bali tháng 10/2003. Ấn Độ cũng rất tích cực thúc đẩy thoả thuận FTA với ASEAN.

Mặc dù sự hội nhập ngày càng sâu sắc của cộng đồng Đông Á là có lợi và là mục tiêu đang hướng tới, nhưng sự hội nhập kinh tế Đông Á vẫn vấp phải những trở ngại và hạn chế, đó là sự khác biệt lớn giữa các nền kinh tế cũng như hệ thống chính trị, văn hoá - xã hội giữa các nước Đông Á. Ngoài ra, nếu sự đoàn kết ASEAN nhanh chóng phát triển theo hướng một cộng đồng kinh tế tập trung vào tiến trình APT, các nước nằm ngoài khu vực, đặc biệt là Mỹ và Australia, có thể lên tiếng bày tỏ lo ngại về sự thay đổi ảnh hưởng của họ trong khu vực. Điều người ta cần nhắc là hầu hết các nước Đông Á đều phụ thuộc chủ yếu vào thị trường Mỹ, do đó việc đẩy nhanh tốc độ hội nhập kinh tế có thể gây ra tranh chấp thương mại ngoài ý muốn với Mỹ.

* * *

Từ những phân tích trên cho phép rút ra một số nhận xét sau đây:

Thứ nhất, tiến trình hội nhập Đông Á được các nước trong khu vực quan tâm từ khá sớm. Nhận thức về lợi ích và những thách thức từ tiến trình hội nhập ngày càng trở nên rõ nét. Thời kỳ 1993 - 2003, cả khu vực này bị tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á. Chính cuộc khủng hoảng này đã đặt dấu chấm hết cho những dự định trong việc thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế ở Đông Á. Bởi nhiều thành viên trong khu vực này, đặc biệt là ASEAN thấy được lợi ích của sự liên thuộc kinh tế với bên ngoài và coi đây như là một công cụ đối phó khủng hoảng tài chính.

Thứ hai, tiến trình hội nhập Đông Á đã vượt được một chặng dài, cho dù chưa có một định chế rõ ràng. Hạt nhân của tiến trình này là ASEAN⁺ (plus). Có thể nói thời kỳ (1993 - 2003), quá trình thai nghén ASEAN+3 đã gần như hoàn tất. Các nước thành viên hợp tác chặt chẽ hơn và tạo đà cho việc mở rộng thành ASEAN+6 thời gian sau đó.

Thứ ba, tiến trình hội nhập Đông Á thời kỳ này đã tạo ra sự cọ xát thực sự và ở đó các đối tác nhận ra những thách thức mà họ phải đối mặt và cần phải vượt qua. Chính những khác biệt về trình độ phát triển, thể chế chính trị và lợi ích cục bộ của các nước trong khu vực, trên những góc độ nhất định đã tạo ra lực cản trong tiến trình hội nhập này.

Thứ tư, mô hình FTA là sự lựa chọn tất yếu của tiến trình hội nhập Đông Á. Cho dù

¹² Xem Hadi (2002), tr. 47.

thời kỳ này người ta vẫn còn phân vân và thậm chí còn do dự, chẳng hạn FTA giữa ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc thì ủng hộ bởi kim ngạch thương mại của ASEAN với các nước này rất lớn và

ngày càng tăng song FTA với Ấn Độ thì một số nước ASEAN không tỏ ra nhiệt tình - tuy nhiên tình trạng này được khắc phục sau đó.

Bảng 1: So sánh GDP của ASEAN+3 với các khu vực của thế giới

(Đơn vị: tỷ USD, %)

	1996 - 2000		2001		2002		2003	
	GDP	Tỷ lệ (%)	GDP	Tỷ lệ (%)	GDP	Tỷ lệ (%)	GDP	Tỷ lệ (%)
ASEAN	597,3	1,97	545,3	1,75	605,5	1,87	676,0	1,86
T.Quốc, N.Bản, Hàn Quốc	5.865,0	19,35	5.814,8	18,66	5.780,5	17,82	6.325,1	17,42
ASEAN+3	6.462,3	21,32	6.360,1	20,41	6.386,0	19,68	7.001,1	19,28
NAFTA	9.884,6	32,60	11.437,8	36,71	11.865,6	36,57	12.483,8	34,38
EU	8.413,2	27,75	7.935,9	25,47	8.667,7	26,71	10.508,1	28,94
Cả thế giới	3.031,7	100,00	31.154,4	100,00	3.244,62	100,00	36.309,6	100,00

Nguồn: *Global Insight, 2004. World Overview: second quarter 2004.*

Tài liệu tham khảo

1. Inderjit N. Kaur, Nirvikar Singh (2013), *Financial Integration in East Asia: Past, Present and Possible Futures*, University of California, Santa Cruz.

2. Françoise Nicolas (2012), *Korea and economic integration in East Asia: The way forward*, The Korea Institute for International Economic Policy.

3. Hamanaka, Shintaro (2012), "Is trade in Asia Really Integrating?", ADB working paper series on Regional Economic Integration, No 91.

4. ASEAN Economic community Chartbook 2012.

5. Chia Siow-Yue (2010), "Regional Trade Policy Cooperation and Architecture in East Asia", ADBI Working paper series.

6. Tsai Tung-Chieh (2009), "Multi-Level Integration and the Prospect of Southeast Asian Regional Development", *Southeast Asian Studies*.

7. Ippei Yamazawa (2004), *Japan and the East Asian Economies: Prospects and Retrospects in the Early Twenty-First Century*, International University of Japan.

8. ASEAN-Japan Research Institute Meeting, ed. (2003), *ASEAN-Japan Comprehensive Economic Partnership: Vision and Tasks Ahead*.

9. ASEAN Secretariat 2000.

10. Siow Yue Chia (1997), *Regionalism and Subregionalism in ASEAN: The Free Trade Area and Growth Triangle Models*, University of Chicago Press.